

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-4-2021

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyển
2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh TN, có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp 4, xã BD, huyện GD, tỉnh TN, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của chị T trình bày: chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã CG. Sau khi cưới khoảng 02 năm vợ chồng về sống chung với mẹ chồng tại ấp 4, xã BD. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân với nhau nhiều lần rồi sau đó chung sống lại. Đến tháng 10 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn với anh H; con chung có 02 người gồm: cháu Nguyễn Trà My, sinh ngày 30-10-2006 và cháu Nguyễn Ngọc Uyển, sinh ngày 29-7-2017, hiện nay đang sống chung với chị T; chị T yêu cầu được

tiếp tục nuôi, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung chị T rút lại yêu cầu khởi kiện không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh H trình bày: thừa nhận lời khai của chị T về ngày tháng năm chung sống, con chung là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã ly thân với nhau rất nhiều lần về chuyện tiền bạc giữa vợ chồng, giữa chị T và mẹ chồng mâu thuẫn với nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh H không đồng ý. Nếu cho ly hôn con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

+ Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau năm 2005 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn; quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã ly thân với nhau nhiều lần. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T và anh H ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung hiện nay đang sống chung với chị T và mẹ ruột chị T tại ấp CA, xã CG từ khi chị T và anh H ly thân cho đến nay. Cháu My đang học lớp 9 tại trường Lê Lợi thuộc xã CG, cháu Uyên còn nhỏ ở nhà có mẹ ruột chị T chăm sóc, chị T có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng và điều kiện để nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 người con chung cho chị T tiếp tục nuôi theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Tài sản chung, chị T rút lại yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân với nhau nhiều lần về chuyện tiền bạc rồi sau đó chung sống lại với nhau đến tháng 10 năm 2020 tiếp tục phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân cho đến nay; vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho chị T và anh H ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung, chị T và anh H thừa nhận có 02 người gồm: cháu Nguyễn Trà My, sinh ngày 30-10-2006 và cháu Nguyễn Ngọc Uyển, sinh ngày 29-7-2017. Hai cháu đang sống chung với chị T và mẹ ruột chị T tại ấp CA, xã CG từ khi chị T và anh H ly thân cho đến nay. Cháu My đang học lớp 9 tại trường Lê Lợi thuộc xã CG, cháu Uyển còn nhỏ ở nhà có mẹ ruột chị T chăm sóc, chị T có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng và điều kiện để nuôi con. Trong quá trình lấy lời khai cháu My yêu cầu được tiếp tục sống chung với chị T. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 người con chung cho chị T tiếp tục nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tài sản chung, chị T rút lại yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[4] Về án phí: chị Nguyễn Hồng T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng T ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Trà My, sinh ngày 30-10-2006 và cháu Nguyễn Ngọc Uyển, sinh ngày 29-7-2017 cho chị Nguyễn Hồng T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không giải quyết. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về án phí: chị Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị T đã nộp là 14.625.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012764 ngày 28-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD. Hoàn trả cho chị Nguyễn Hồng T 14.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC.THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng